TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PT** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22- 02- 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Phi Hùng

2. Bà Lưu Thị Ngọc Huỳnh

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Thy - Thư ký Toà án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 366/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Ng đơn:* chị Võ Thuý K, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: số 240, khu phố 2, phường Tan Hanh, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* anh Trần Thanh Ng, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: số nhà 80, ấp Bình Trung 1, xã Binh Thanh Dong, huyện PT, tỉnh An Giang.

(Chị K yêu cầu vắng mặt, anh Ng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của Ng đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Vào năm 2012, chị và anh Ng được gia đình tổ chức lễ cưới, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tan Hanh, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai (Giấy chứng nhận kết hôn số 92, ngày 26/12/2012). Ng nhân mâu thuẫn: do anh Ng không lo làm ăn, không chăm lo gia đình, thường xuyên dùng lời lẽ không tôn trọng, ghen tuông vô cớ, vì vậy thường xuyên cự cãi và đã ly thân từ tháng 12/2019 đến nay, từ khi ly thân không ai quan tâm đến ai, nay tình

cảm không còn nên yêu cầu ly hôn với anh Ng.

Về con chung: Vợ cH có 02 con chung tên Trần Võ K Tiên, sinh ngày 05/02/2015 và Trần Võ Tú V, sinh ngày 17/6/2013, do anh Ng nuôi dưỡng từ khi ly thân đến nay, đồng ý cho anh Ng tiếp tục nuôi 02 con chung, không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung (phải thu, phải trả) không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tòa án tiến hành xác minh được ông Trần Văn Ch (cha ruột của anh Ng) cho biết: Vơ cH Ng – K có đám cưới năm 2011, chung sống được 02 con chung tên Trần Võ K Tiên, sinh ngày 05/02/2015, Trần Võ Tú V, sinh ngày 17/6/2013 và đã ly thân từ tháng 11/2019 đến nay, 02 đứa con do Ng và gia đình ông nuôi dưỡng, việc K ly hôn và đồng ý cho Ng nuôi 02 con, không cấp dưỡng ông có thông tin cho Ng biết nhưng do đi làm xa nên không đến Toà án được.

Tòa án tiến hành xác minh được chị Tăng Thị Thu H (chị ruột của chị K) cho biết: Vợ cH K, Ng đám cưới năm 2011, chung sống được 08 năm thì ly thân từ tháng 12/2019 đến nay. Sau khi đám cưới, vợ cH Ng làm ở BH nên K không sống ở gia đình cH. Sau khi K sinh 02 đứa con thì gửi 02 đứa con về gia đình cH nuôi giữ tiếp, vì đi làm công ty nên không giữ con giúp cho vợ cH K được. Quá trình chung sống vợ cH K - Ng thường xuyên cãi nhau, Ng cờ bạc, đá gà, K có khuyên và cha mẹ hai bên cũng có khuyên nhưng Ng vẫn không sửa đổi.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Ng đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, cho thấy bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị K được ly hôn với anh Ng. Về con chung: để đảm bảo sự phát triển ổn định của 02 con chung, cần giao cháu Trần Võ K Tiên, sinh ngày 05/02/2015 và Trần Võ Tú V, sinh ngày 17/6/2013 cho anh Trần Thanh Ng được tiếp tục nuôi dạy. Chị K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét; về án phí, chị K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Ng đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại xã Binh Thanh Dong, huyện PT, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*"* là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố Tụng Dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Ng đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt Ng đơn và bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về yêu cầu ly hôn:* chị K và anh Ng là vợ cH có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và cuộc sống hôn nhân vợ cH nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu, đạt được mục đích thì phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau, nhưng anh chị không làm được điều đó mà vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau về chuyện tiền bạc, anh Ng không tôn trọng, tin tưởng chị K và đã ly thân thời gian dài không hàn gắn được. Tòa án đã triệu tập anh Ng để tham gia hòa giải hai lần và trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh đều không đến, chị K cương quyết yêu cầu ly hôn, nên chấp nhận cho K được ly hôn với anh Ng là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:*

Trường hợp không thỏa thuận được việc nuôi con chung thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Do 02 con chung Trần Võ K Tiên, sinh ngày 05/02/2015 và Trần Võ Tú V, sinh ngày 17/6/2013 đang sống với anh Ng và gia đình của anh Ng. Các lần Toà án mời hoà giải anh Ng không đến nên không ghi nhận được ý kiến cũng như nguyện vọng 02 con chung. Toà án thu thập được lời khai của ông Ch (cha ruột của anh Ng) thể hiện 02 con chung đang do anh Ng chăm sóc, nuôi dưỡng từ sau khi ly thân đến nay và anh Ng cũng đã biết được việc chị K ly hôn, đồng ý giao 02 con chung cho anh Ng tiếp tục nuôi, không cấp dưỡng. Để đảm bảo môi trường phát triển của con chung được ổn định, thuận lợi trong việc học tập, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần tiếp tục giao 02 con chung tên Trần Võ K Tiên, sinh ngày 05/02/2015 và Trần Võ Tú V, sinh ngày 17/6/2013 cho anh Ng được chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị K không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét

xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ghi nhận chị K xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ cH trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị K phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Ng không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thuý K.

1. Về hôn nhân: chị Võ Thuý K được ly hôn với anh Trần Thanh Ng.

Giấy chứng nhận kết hôn số 92, ngày 26/12/2012 do Uỷ ban nhân dân xã Tan Hanh, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai cấp không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Võ K Tiên, sinh ngày 05/02/2015 và Trần Võ Tú V, sinh ngày 17/6/2013 cho anh Trần Thanh Ng tiếp tục nuôi dạy đến thành niên hoặc tự lập được (02 con chung đang do anh Ng nuôi dưỡng). Chị Võ Thuý K không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Chị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung và anh Ng cùng các cùng các thành viên gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi, không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu chị K lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Ng có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ghi nhận chị Võ Thuý K xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ cH trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Võ Thuý K phải chịu án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005671 ngày 26/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PT. Anh Trần Thanh Ng không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị K, anh Ng vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.